



- KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente
- E** Được cung cấp thông qua sàn giao dịch quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska bản địa cũng như người Mỹ bản địa trên CoveredCA.com.

| Các đặc điểm nổi bật về quyền lợi                                                                                                 | KP<br>Kaiser Permanente - Bronze 60 HMO 8200/0% | KP E<br>Kaiser Permanente - Bronze 60 HDHP HMO                                                          | KP E<br>Kaiser Permanente - Bronze 60 HMO                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                                                 | Khoản Khấu Trừ                                  | Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe có Tiền Khấu Trừ Cao                                                     | Khoản Khấu Trừ                                                                    |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                    | \$8,200/\$16,400                                | \$7,000/\$14,000                                                                                        | \$6,300/\$12,600                                                                  |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                 | \$8,200/\$16,400                                | \$7,000/\$14,000                                                                                        | \$8,600/\$17,200                                                                  |
| Quyền lợi                                                                                                                         |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Chăm sóc trực tuyến                                                                                                               |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Email, Khám qua mạng, Điện thoại và Khám qua video                                                                                | Miễn phí                                        | Email, Khám qua mạng: Miễn phí.<br>Điện thoại và Khám qua video: Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ | Miễn phí                                                                          |
| Chăm sóc phòng ngừa                                                                                                               |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                                                  | Miễn phí                                        | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                          |
| Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)                                                                              |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Thăm khám chăm sóc chính tại văn phòng                                                                                            | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$65; sau đó \$65 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ‡         |
| Khám tại văn phòng chăm sóc chuyên khoa                                                                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$95; sau đó \$95 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ‡         |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Hầu hết các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm                                                                                     | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | \$40                                                                              |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                                                 | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                                              | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Khám sức khỏe tâm thần                                                                                                            | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | Miễn phí                                                                          |
| Chăm sóc nội trú tại bệnh viện                                                                                                    |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Phòng bệnh và thức ăn, phẫu thuật, gây mê, chụp X-quang, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tâm thần | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Chăm sóc thai sản                                                                                                                 |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Khám thai định kỳ, thăm khám hậu sản lần đầu                                                                                      | Miễn phí                                        | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                          |
| Sinh con và chăm sóc phòng ngừa nội trú cho trẻ nhỏ                                                                               | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp                                                                                                      |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Thăm khám tại Khoa Cấp Cứu                                                                                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                                            | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 3 lần thăm khám đầu tiên \$65; sau đó \$65 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ‡         |
| Thuốc theo toa (số lượng thuốc dùng trong tối đa 30 ngày)                                                                         |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Thuốc gốc                                                                                                                         | \$20*                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | \$18 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc biệt dược ưu tiên                                                                                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc |
| Biệt dược không ưu tiên                                                                                                           | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc |
| Thuốc Chuyên Khoa                                                                                                                 | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ          | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                  | 40% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$500 cho nhà thuốc, tối đa \$500 mỗi toa thuốc |
| Sức khỏe tổng thể                                                                                                                 |                                                 |                                                                                                         |                                                                                   |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                                         | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org               | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                                       | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                 |

‡ Chương trình Kaiser Permanente Bronze 60 HMO bao gồm 3 lần thăm khám tại văn phòng cho tiền đồng trả quyền lợi trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ. Những lần thăm khám tại văn phòng bao gồm chăm sóc chính, chuyên khoa, khẩn cấp hoặc sức khỏe tâm thần cho bệnh nhân ngoại trú và chăm sóc sử dụng thuốc.

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Quảng cáo mắt kính và các dịch vụ khác được hiển thị có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo gói bảo hiểm này. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc khoản tiền tự trả tối đa.

Bằng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Thỏa Thuận Tư Cách Hội Viên Kết Hợp, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](https://kp.org/plandocuments) (bằng tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

- KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente
- E** Được cung cấp thông qua sàn giao dịch quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska bản địa cũng như người Mỹ bản địa trên CoveredCA.com.

| Các đặc điểm nổi bật về quyền lợi                                                                                                 | KP<br>Kaiser Permanente - Silver 70 HDHP HMO 3600/20%                                                   | KP<br>Kaiser Permanente - Silver 70 HMO Off Exchange                             | E<br>Kaiser Permanente - Silver 70 HMO                                           | KP<br>Kaiser Permanente - Silver 70 HMO 2850/50                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                                                 | Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe có Tiền Khấu Trừ Cao                                                     | Tiền khấu trừ                                                                    | Tiền khấu trừ                                                                    | Tiền khấu trừ                                                                     |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                    | \$3,600/\$7,200                                                                                         | \$4,750/\$9,500                                                                  | \$4,750/\$9,500                                                                  | \$2,850/\$5,700                                                                   |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                 | \$7,000/\$14,000                                                                                        | \$8,750/\$17,500                                                                 | \$8,750/\$17,500                                                                 | \$8,750/\$17,500                                                                  |
| Quyền lợi                                                                                                                         |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Chăm sóc trực tuyến                                                                                                               |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Email, Khám qua mạng, Điện thoại và Khám qua video                                                                                | Email, Khám qua mạng: Miễn phí.<br>Điện thoại và Khám qua video: Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                          |
| Chăm sóc phòng ngừa                                                                                                               |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                                                  | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                          |
| Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)                                                                              |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Thăm khám chăm sóc chính tại văn phòng                                                                                            | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$45                                                                             | \$45                                                                             | \$50                                                                              |
| Khám tại văn phòng chăm sóc chuyên khoa                                                                                           | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$85                                                                             | \$85                                                                             | \$80                                                                              |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                                                     | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$95                                                                             | \$95                                                                             | \$70 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                |
| Hầu hết các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm                                                                                     | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$50                                                                             | \$50                                                                             | \$30 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                                                 | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$325                                                                            | \$325                                                                            | \$350 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                               |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                                              | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | 20%                                                                              | 20%                                                                              | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Khám sức khỏe tâm thần                                                                                                            | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$45                                                                             | \$45                                                                             | \$50                                                                              |
| Chăm sóc nội trú tại bệnh viện                                                                                                    |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Phòng bệnh và thức ăn, phẫu thuật, gây mê, chụp X-quang, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tâm thần | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Chăm sóc thai sản                                                                                                                 |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Khám thai định kỳ, thăm khám hậu sản lần đầu                                                                                      | Miễn phí                                                                                                | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                          |
| Sinh con và chăm sóc phòng ngừa nội trú cho trẻ nhỏ                                                                               | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                 |
| Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp                                                                                                      |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Thăm khám tại Khoa Cấp Cứu                                                                                                        | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$400                                                                            | \$400                                                                            | \$350 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                               |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                                            | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                       | \$45                                                                             | \$45                                                                             | \$50                                                                              |
| Thuốc theo toa (số lượng thuốc dùng trong tối đa 30 ngày)                                                                         |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Thuốc gốc                                                                                                                         | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                           | \$16 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$16 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$20*                                                                             |
| Thuốc biệt dược ưu tiên                                                                                                           | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$75 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc*                           |
| Biệt dược không ưu tiên                                                                                                           | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$60 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc*                           | \$75 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc*                           |
| Thuốc Chuyên Khoa                                                                                                                 | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ, tối đa \$250 mỗi toa thuốc                                           | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$85 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc | 35% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$450 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc |
| Sức khỏe tổng thể                                                                                                                 |                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                   |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                                         | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                                       | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                 |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.  
† Quảng cáo mắt kính và các dịch vụ khác được hiển thị có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo gói bảo hiểm này. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc khoản tiền tự trả tối đa.  
Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Thỏa Thuận Tư Cách Hội Viên Kết Hợp, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](https://kp.org/plandocuments) (bằng tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

- KP** Được cung cấp qua Kaiser Permanente
- E** Được cung cấp thông qua sàn giao dịch quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

Các tùy chọn trợ cấp tài chính với tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ thấp hơn áp dụng cho một số chương trình và dành cho người Alaska bản địa cũng như người Mỹ bản địa trên CoveredCA.com.

| Các đặc điểm nổi bật về quyền lợi                                                                                                 | KP E Kaiser Permanente - Gold 80 HMO        | KP E Kaiser Permanente - Gold 80 HMO Coinsurance | KP E Kaiser Permanente - Platinum 90 HMO    | KP E Kaiser Permanente - Minimum Coverage HMO <sup>††</sup>                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                                                 | Tiền đồng trả                               | Tiền đồng trả                                    | Tiền đồng trả                               | Tiền khấu trừ                                                                                                                      |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                    | Không có/Không có                           | Không có/Không có                                | Không có/Không có                           | \$9,100/\$18,200                                                                                                                   |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                 | \$8,550/\$17,100                            | \$8,550/\$17,100                                 | \$4,500/\$9,000                             | \$9,100/\$18,200                                                                                                                   |
| Quyền lợi                                                                                                                         |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Chăm sóc trực tuyến                                                                                                               |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Email, Khám qua mạng, Điện thoại và Khám qua video                                                                                | Miễn phí                                    | Miễn phí                                         | Miễn phí                                    | Miễn phí                                                                                                                           |
| Chăm sóc phòng ngừa                                                                                                               |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                                                  | Miễn phí                                    | Miễn phí                                         | Miễn phí                                    | Miễn phí                                                                                                                           |
| Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)                                                                              |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Thăm khám chăm sóc chính tại văn phòng                                                                                            | \$35                                        | \$35                                             | \$15                                        | 3 lần thăm khám tại văn phòng đầu tiên miễn phí. <sup>***</sup> Những lần thăm khám bổ sung miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ |
| Khám tại văn phòng chăm sóc chuyên khoa                                                                                           | \$65                                        | \$65                                             | \$30                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                                                     | \$75                                        | \$75                                             | \$30                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Hầu hết các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm                                                                                     | \$40                                        | \$40                                             | \$15                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                                                 | \$75                                        | 25%                                              | \$75                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                                              | \$190                                       | 20%                                              | \$125                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Khám sức khỏe tâm thần                                                                                                            | \$35                                        | \$35                                             | \$15                                        | Miễn phí                                                                                                                           |
| Chăm sóc nội trú tại bệnh viện                                                                                                    |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Phòng bệnh và thức ăn, phẫu thuật, gây mê, chụp X-quang, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tâm thần | \$350 mỗi ngày, tối đa 5 ngày <sup>**</sup> | 30%                                              | \$250 mỗi ngày, tối đa 5 ngày <sup>**</sup> | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Chăm sóc thai sản                                                                                                                 |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Khám thai định kỳ, thăm khám hậu sản lần đầu                                                                                      | Miễn phí                                    | Miễn phí                                         | Miễn phí                                    | Miễn phí                                                                                                                           |
| Sinh con và chăm sóc phòng ngừa nội trú cho trẻ nhỏ                                                                               | \$350 mỗi ngày, tối đa 5 ngày <sup>**</sup> | 30%                                              | \$250 mỗi ngày, tối đa 5 ngày <sup>**</sup> | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp                                                                                                      |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Thăm khám tại Khoa Cấp Cứu                                                                                                        | \$350                                       | \$350                                            | \$150                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                                            | \$35                                        | \$35                                             | \$15                                        | 3 lần thăm khám tại văn phòng đầu tiên miễn phí. <sup>***</sup> Những lần thăm khám bổ sung miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ |
| Thuốc theo toa (số lượng thuốc dùng trong tối đa 30 ngày)                                                                         |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Thuốc gốc                                                                                                                         | \$15*                                       | \$15*                                            | \$5*                                        | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Thuốc biệt dược ưu tiên                                                                                                           | \$60*                                       | \$60*                                            | \$15*                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Biệt dược không ưu tiên                                                                                                           | \$60*                                       | \$60*                                            | \$15*                                       | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Thuốc Chuyên Khoa                                                                                                                 | 20% tối đa \$250 mỗi toa thuốc              | 20% tối đa \$250 mỗi toa thuốc                   | 10% tối đa \$250 mỗi toa thuốc              | Miễn phí sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                                                             |
| Sức khỏe tổng thể                                                                                                                 |                                             |                                                  |                                             |                                                                                                                                    |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                                         | Quảng cáo mắt kính <sup>†</sup> kp2020.org  | Quảng cáo mắt kính <sup>†</sup> kp2020.org       | Quảng cáo mắt kính <sup>†</sup> kp2020.org  | Quảng cáo mắt kính <sup>†</sup> kp2020.org                                                                                         |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Quảng cáo mắt kính và các dịch vụ khác được hiển thị có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo gói bảo hiểm này. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc khoản tiền tự trả tối đa.

‡ Chương trình Kaiser Permanente Bronze 60 HMO bao gồm 3 lần thăm khám tại văn phòng cho tiền đồng trả quyền lợi trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ. Những lần thăm khám tại văn phòng bao gồm chăm sóc chính, chuyên khoa, khẩn cấp hoặc sức khỏe tâm thần cho bệnh nhân ngoại trú và chăm sóc sử dụng thuốc.

\*\* Sau 5 ngày, quý vị được miễn phí các dịch vụ được đài thọ có liên quan đến nhập viện.

†† Chỉ những người tham gia dưới 30 tuổi hoặc 30 tuổi trở lên cung cấp chứng nhận của Covered California chứng tỏ hoàn cảnh khó khăn hoặc thiếu bảo hiểm chi phí phải chăng, có thể mua chương trình bảo hiểm tối thiểu của HMO.

\*\*\* Chương trình Kaiser Permanente Minimum Coverage HMO bao gồm 3 lần thăm khám miễn phí tại văn phòng trước khi quý vị đạt đến tiền khấu trừ. Những lần thăm khám tại văn phòng bao gồm chăm sóc chính và chăm sóc khẩn cấp.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Thỏa Thuận Từ Cách Hội Viên Kết Hợp, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](https://kp.org/plandocuments) (bằng tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.

**E** Được cung cấp thông qua sàn giao dịch quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, Covered California

## Chương trình giảm mức chi phí cùng chi trả (CSR)

Quý vị phải đủ điều kiện và ghi danh tham gia chương trình CSR trên trang này thông qua Covered California.

| Các đặc điểm nổi bật về quyền lợi                                                                                                 | <b>E</b><br>Kaiser Permanente - Silver 73 HMO                                    | <b>E</b><br>Kaiser Permanente - Silver 87 HMO                                    | <b>E</b><br>Kaiser Permanente - Silver 94 HMO |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Loại chương trình                                                                                                                 | Tiền khấu trừ                                                                    | Tiền khấu trừ                                                                    | Tiền khấu trừ                                 |
| Tiền khấu trừ y tế hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                    | \$4,750/\$9,500                                                                  | \$800/\$1,600                                                                    | \$75/\$150                                    |
| Chi phí tự trả tối đa hàng năm (cá nhân/gia đình)                                                                                 | \$7,250/\$14,500                                                                 | \$3,000/\$6,000                                                                  | \$900/\$1,800                                 |
| <b>Quyền lợi</b>                                                                                                                  |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| <b>Chăm sóc trực tuyến</b>                                                                                                        |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Email, Khám qua mạng, Điện thoại và Khám qua video                                                                                | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                      |
| <b>Chăm sóc phòng ngừa</b>                                                                                                        |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Khám sức khỏe định kỳ, chụp quang tuyến vú, v.v.                                                                                  | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                      |
| <b>Dịch vụ ngoại trú (mỗi lần thăm khám hoặc thủ thuật)</b>                                                                       |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Thăm khám chăm sóc chính tại văn phòng                                                                                            | \$45                                                                             | \$15                                                                             | \$5                                           |
| Khám tại văn phòng chăm sóc chuyên khoa                                                                                           | \$85                                                                             | \$25                                                                             | \$8                                           |
| Hầu hết các loại chụp X-quang                                                                                                     | \$90                                                                             | \$40                                                                             | \$8                                           |
| Hầu hết các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm                                                                                     | \$50                                                                             | \$20                                                                             | \$8                                           |
| Chụp MRI, CT, PET                                                                                                                 | \$325                                                                            | \$100                                                                            | \$50                                          |
| Phẫu thuật ngoại trú                                                                                                              | 20%                                                                              | 15%                                                                              | 10%                                           |
| Khám sức khỏe tâm thần                                                                                                            | \$45                                                                             | \$15                                                                             | \$5                                           |
| <b>Chăm sóc nội trú tại bệnh viện</b>                                                                                             |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Phòng bệnh và thức ăn, phẫu thuật, gây mê, chụp X-quang, xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe tâm thần | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 10% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ             |
| <b>Chăm sóc thai sản</b>                                                                                                          |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Khám thai định kỳ, thăm khám hậu sản lần đầu                                                                                      | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                                                         | Miễn phí                                      |
| Sinh con và chăm sóc phòng ngừa nội trú cho trẻ nhỏ                                                                               | 30% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 25% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ                                                | 10% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ             |
| <b>Chăm sóc cấp cứu và khẩn cấp</b>                                                                                               |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Thăm khám tại Khoa Cấp Cứu                                                                                                        | \$400                                                                            | \$150                                                                            | \$50                                          |
| Khám chăm sóc khẩn cấp                                                                                                            | \$45                                                                             | \$15                                                                             | \$5                                           |
| <b>Thuốc theo toa (số lượng thuốc dùng trong tối đa 30 ngày)</b>                                                                  |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Thuốc gốc                                                                                                                         | \$16 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$30 cho nhà thuốc*                           | \$5 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$25 cho nhà thuốc*                            | \$3*                                          |
| Thuốc biệt dược ưu tiên                                                                                                           | \$55 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$30 cho nhà thuốc*                           | \$25 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$25 cho nhà thuốc*                           | \$10*                                         |
| Biệt dược không ưu tiên                                                                                                           | \$55 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$30 cho nhà thuốc*                           | \$25 sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$25 cho nhà thuốc*                           | \$10*                                         |
| Thuốc Chuyên Khoa                                                                                                                 | 20% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$30 cho nhà thuốc, tối đa \$250 mỗi toa thuốc | 15% sau khi đáp ứng tiền khấu trừ \$25 cho nhà thuốc, tối đa \$150 mỗi toa thuốc | 10% tối đa \$150 mỗi toa thuốc                |
| <b>Sức khỏe tổng thể</b>                                                                                                          |                                                                                  |                                                                                  |                                               |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                                         | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org                                                | Quảng cáo mắt kính†<br>kp2020.org             |

\* Đặt mua qua bưu điện: Tối đa lượng thuốc dùng trong 100 ngày đối với toa thuốc đủ điều kiện với chi phí chỉ bằng số lượng thuốc dùng trong 60 ngày.

† Quảng cáo mắt kính và các dịch vụ khác được hiển thị có thể do các nhóm khác ngoài Kaiser Permanente cung cấp và không được cung cấp hoặc bảo đảm theo gói bảo hiểm này. Các khoản phí bổ sung mà quý vị chi trả sẽ không tính vào tiền khấu trừ hoặc khoản tiền tự trả tối đa.

Bảng tóm lược chương trình này nêu bật các câu hỏi thường gặp nhất về quyền lợi, tiền đồng trả, tiền đồng bảo hiểm và tiền khấu trừ. Vui lòng tham khảo *Thỏa Thuận Tư Cách Hội Viên Kết Hợp, Chứng Từ Bảo Hiểm và Bản Điều Lệ Chương Trình* (EOC) để biết thông tin chi tiết đầy đủ về chương trình của quý vị hoặc các giới hạn và trường hợp loại trừ cụ thể. Để yêu cầu bản sao EOC, vui lòng truy cập [kp.org/plandocuments](https://kp.org/plandocuments) (bằng tiếng Anh), gọi cho chúng tôi theo số **1-800-464-4000 (TTY 711)** hoặc liên hệ với người môi giới của quý vị.